

Bản án số: 73/2026/HS-PT
Ngày: 04 – 05 – 2026

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Minh Tấn**

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Trọng Quế**

Ông **Phan Thanh Hải**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Vũ Duy** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà **Lê Kiều Diễm** - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 05 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 28/2026/TLPT-HS ngày 05 tháng 3 năm 2026 đối với bị cáo Trương Minh S do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2026/HS-ST ngày 22 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 9 – tỉnh Cà Mau.

- Bị cáo có kháng cáo: **Trương Minh S**, sinh ngày 19 tháng 4 năm 2002 tại Cà Mau.

Nơi cư trú: ấp B, xã H, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Minh T và bà Nguyễn Bích T1; có vợ (chưa đăng ký kết hôn) và 01 con; tiền án, tiền sự: không. (Có mặt)

Ngoài ra vụ án còn có bị hại không kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 23 tháng 6 năm 2024 do cần tiền chi xài nên bị cáo mượn đôi bông tai vàng loại 18K, trọng lượng 4 phân 8 ly của chị Nguyễn Phan Nhã P và chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Exciter, màu trắng-đỏ-đen, biển số 94F1-474.17 của anh Danh Hoàng H để mang đi cầm cố lấy tiền chi xài cá nhân. Để chị P và anh H tin tưởng và giao tài sản cho mượn, bị cáo nói rằng con của bị cáo bị bệnh hiện đang nằm ở bệnh viện B nên bị cáo mượn đôi bông tai để cầm lấy tiền để đi thăm con, bị cáo mượn xe để làm phương tiện đi lại để thăm con.

Sau khi nhận vàng và xe, bị cáo cầm cho người khác lấy tiền, do sợ việc việc bị lộ nên bị cáo đón xe trốn lên Đồng Nai và sử dụng toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt qua việc cầm đôi bông tai và chiếc xe mô tô vào mục đích cá nhân.

Tại Kết luận định giá tài sản số 45/KL-HĐ ĐGTS ngày 08 tháng 11 năm 2024 của Hội đồng định giá, kết luận:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Exciter màu trắng đỏ đen, biển số 94E1- 474.17, số máy G3D4E725534, số khung RLCUG0610JY697405 đã qua sử dụng có giá là 26.762.400đ.

- 01 đôi bông tai vàng loại 18K, trọng lượng 4 phân 8 ly (không tính hạt trang trí trên bông tai) qua định giá có giá trị là 2.275.200đ.

Tổng số tiền bị cáo S chiếm đoạt là 29.001.600đ.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2026/HS-ST ngày 22 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 9 – tỉnh Cà Mau, đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 174; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Trương Minh S phạm Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Xử phạt bị cáo Trương Minh S 09 (chín) tháng tù.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm: ngày 02 tháng 02 năm 2026 bị cáo kháng cáo xin được hưởng án treo, để có điều kiện chăm sóc anh ruột đang bị tàn tật.

Tại phiên tòa phúc thẩm: kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm.

Bị cáo giữ nguyên kháng cáo

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bị cáo thừa nhận: bị cáo dùng thủ đoạn gian dối, bằng việc đưa thông tin không đúng sự thật về việc con bị cáo bị bệnh để bị hại cho mượn vàng đi cầm và giao xe cho bị cáo đi lại; sai khi nhận được tài sản bị cáo cầm vàng và xe, bỏ trốn và tiền sử dụng vào chi xài cá nhân. Căn cứ vào kết quả định giá có tổng giá trị tài sản là 29.001.600đ. Cho nên, việc cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo về Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo làm căn cứ để quyết định hình phạt được quy định tại điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự (bồi thường thiệt hại; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đầu thú).

[3] Tại cấp phúc thẩm, bị cáo cung cấp tình tiết được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt; mặc dù đây là tình tiết mới nhưng xét thấy cấp sơ thẩm đã quyết định hình phạt 09 tháng tù là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và các tình tiết khác, để thể hiện sự khoan hồng đặc biệt đối với bị cáo nên bị cáo cũng không có kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ; đối với anh ruột bị cáo bị tàn tật, bị cáo không phải là anh em duy nhất, mà còn nhiều người khác, đồng thời anh ruột của bị cáo sống chung với cha mẹ của bị cáo từ trước đến nay; nên đây không phải là căn cứ cho bị cáo hưởng án treo; việc áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo sẽ gây nguy hiểm cho xã hội, ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Cho nên, Hội đồng xét xử không

chấp nhận kháng cáo của bị cáo về việc xin được hưởng án treo, mà chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên.

[4] Bị cáo phải chịu án phí phúc thẩm là 200.000đ.

[5] Các phần quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Trương Minh S.**

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2026/HS-ST ngày 22 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 6 – tỉnh Cà Mau.

2. Tuyên bố bị cáo **Trương Minh S** phạm Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

3. Căn cứ vào khoản 1 Điều 174; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo **Trương Minh S 09 (chín) tháng tù.** Thời hạn tù được tính kể từ ngày bắt đi chấp hành án.

4. Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Trương Minh S nộp án phí hình sự phúc thẩm 200.000đ.

5. Căn cứ vào Điều 343 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Các phần quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Căn cứ vào khoản 2 Điều 355 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Gửi Viện kiểm sát cùng cấp;
- Gửi Cơ quan THA hình sự có thẩm quyền;
- Gửi VKS, TA xét xử sơ thẩm;
- Gửi VP CQĐT Công an tỉnh (PC01);
- Gửi nơi đang giam giữ bị cáo (nếu có);
- Gửi người kháng cáo;
- Gửi người có liên quan đến kháng cáo hoặc kháng nghị (nếu có);
- Gửi Cơ quan THA dân sự có thẩm quyền (nếu có);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHỨC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Minh Tấn